

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/HS-ST
Ngày: 18-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Ngọc Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông **Kim Phi Tùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Văn H, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2003; tại: huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Ngày 08/12/2021, bị Công an xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 24/4/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông **Phạm Văn A**, sinh năm 1968. “có mặt”

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị **Đặng Thị X**. “vắng mặt”

2/ Anh **Nguyễn Minh K**. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 15/3/2024, bị cáo Đặng Văn H đi bộ đến nhà ông Phạm Văn A để rủ Phạm Hoàng T (con ruột ông A) đi chơi. Bị cáo H gọi nhưng không có người trong nhà, bị cáo H thấy xe mô tô nhãn hiệu WAVE RS, màu xanh-đen-bạc, biển số 64K9-5917 của ông A dựng trong nhà nên nảy sinh ý định lấy trộm xe mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo H lên xe đạp nổ (xe không có chìa khóa vẫn khởi động được) điều khiển qua bến phà Ngã Tư (bến phà nối liền xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh) đi đến ấp Bung Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Tại đây bị cáo H bán xe cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ với giá 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*). Sau khi bán xe bị cáo H thuê xe ôm (không rõ họ tên, địa chỉ) chở đến nhà của Lê Khánh L, sinh năm 2004 và Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1996, ngụ cùng ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để chơi, tại đây H tiêu xài cá nhân hết tiền bán xe.

Ngoài ra, bị cáo H còn khai nhận vào đầu tháng 4/2024 bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nhưng không nhớ rõ địa điểm cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn có văn bản thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đề điều tra xử lý theo thẩm quyền. Ngày 20/7/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh có công văn số 390/ĐCSHS-KTMT phúc đáp về việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã tiếp nhận nguồn tin và đang kiểm tra, xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm đề xử lý.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 02/KLHD-ĐGTS ngày 03/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: xe mô tô nhãn hiệu WAVE RS, màu xanh-đen-bạc, biển số 64K9-5917 có giá trị đến ngày 15/3/2024 là: 2.980.000đ (*Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*).

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn A yêu cầu bị cáo Đặng Văn H bồi thường số tiền 2.980.000đ.

- Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Không thu giữ được xe mô tô nhãn hiệu WAVE RS, màu xanh-đen-bạc, biển số 64K9-5917 do bị cáo không xác định được người đã mua xe.

Ngày 27/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đặng Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 54/CT-VKSTÔ ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Đặng Văn H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn H thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là đúng hành vi của bị cáo, không oan, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại ông A số tiền 2.980.000đ.

Bị hại ông Phạm Văn A trình bày: Ngày 15/3/2024, ông bị mất 01 xe mô tô hiệu WAVE RS biển số kiểm soát 64K9-5917, xe do ông đứng tên chủ sở hữu. Ông thống nhất với kết luận định giá tài sản là xe mô tô có giá trị là 2.980.000đ. Về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô cho ông với số tiền là 2.980.000đ.

Kiểm sát viên đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 04 (Bốn) năm tù theo Bản án số: 20/2024/HS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, buộc bị cáo Đặng Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm 09 (Chín) tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đặng Văn H.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại là bị cáo Đặng Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Phạm Văn A số tiền 2.980.000đ (Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Lời khai sau cùng của bị cáo là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng

khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người làm chứng anh Nguyễn Minh K và chị Đặng Thị X có đơn xin vắng mặt và trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của anh K và chị X, được Cơ quan Điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên việc xét xử vắng mặt anh K và chị X của Hội đồng xét xử là phù hợp pháp luật.

[3] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai của bị cáo Đặng Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra thu thập, qua đó xác định: Khoảng 12 giờ ngày 15/3/2024, tại ấp Gò Tranh, xã Vĩnh Xuân, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Đặng Văn H có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu WAVE RS, màu xanh-đen-bạc, biển số 64K9-5917 do ông Phạm Văn A đứng tên chủ sở hữu có giá trị là 2.980.000đ bán cho người lạ được số tiền 600.000đ sau đó tiêu xài cá nhân hết số tiền. Nên hành vi của bị cáo H có đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng số: 54/CT-VKSTÔ ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Chứng cứ xác định không có tội: Không có.

[5] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo Đặng Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Mặt khác về nhân thân bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, trong quá trình điều tra vụ án “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/5/2023 đến ngày 01/12/2023 cho bị cáo tại ngoại, đến ngày 15/3/2024 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Phạm Văn A và trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Như vậy chứng tỏ bị cáo xem thường sự trừng trị của pháp luật, nên cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đảm bảo tính răn đe và đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội. Đồng thời bị cáo phải chịu tổng hợp hình phạt của 02 bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Nhưng xét bị cáo H không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định. Nên Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có ông nội (tên Đặng Văn S) là người có công với cách mạng, từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Chủ tịch Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến Hạng Ba vào ngày 19/4/2005 theo Quyết định số 365; Bị cáo có trình độ học vấn thấp nên việc am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế. Hội đồng xét xử xét giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại là bị cáo Đặng Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Phạm Văn A số tiền 2.980.000đ (*Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*).

[9] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hiệu WAVE RS biển số kiểm soát 64K9-5917 không thu giữ được do bị cáo không xác định người đã mua xe. Nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn không có cơ sở để xác minh thu giữ là có cơ sở.

[10] Về vấn đề khác của vụ án:

Đối với người đàn ông mua xe do H trộm được và L, Ngọc M qua làm việc bị cáo không biết họ tên, địa chỉ cụ thể và cũng không nói cho L, Ngọc M biết số tiền tiêu xài là do trộm cắp mà có. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn không xử lý đối với người mua xe, L, Ngọc M là có cơ sở.

Đối với hành vi phạm tội trên địa bàn huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan tiến hành tố tụng huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã tiếp nhận nguồn tin và đang kiểm tra, xác minh, giải quyết nguồn tin về tội phạm để xử lý.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Đặng Văn H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 48; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H 06 (*Sáu*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 (*Bốn*) năm tù theo Bản án số: 20/2024/HS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, buộc bị cáo Đặng Văn H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 07/4/2024) và được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2023 đến ngày 01/12/2023.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đặng Văn H.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện giữa bị cáo và bị hại là bị cáo Đặng Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Phạm Văn A số tiền 2.980.000đ (*Hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Đặng Văn H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng buộc bị cáo H phải nộp 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Trà Ôn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thúy An